

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGÔ VIỆT CƯỜNG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 5 5 1949
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): Có
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 125 - Binh Trung I - Binh Thanh Dong - Phu Tan
 (Dia chi tai Viet-Nam) Ah-Giang - VIETNAM.

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 26/6/1975 To (Den): 28/4/1981

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại XUYỀN-MỘC - Thước Bộ Ngã Vụ.
 CAMP (Trại tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Trưởng Ban Tâm lý Chiến Kiên Xá-Hội

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Khoá 3A-9305 PSYOPS officer course
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Trung úy
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Trưởng Ban Tâm lý Chiến
Kiên Xá-Hội Date (nam): 1971

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Có
 IV Number (So ho so): 80 656 # 3E
 No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): một
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Ngô-Việt-Cường
18/2 Khuân Châu-Long 4 - Phệ Sĩ B - Tx Châu Đức - An Giang - VN.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Không

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): Không

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Không

NAME & SIGNATURE: NGÔ-VIỆT-CƯỜNG
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Bruno
125-Binh Trung I, Binh Thanh Dong, Phu Tan, An Giang, VN.

DATE: 11 20 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

[illegible]

18/2 KHUẨN CHÁU-Long 4 - Phụng B
TX CHÁU ĐỐC - An Giang - VIỆT NAM.

1. Các giấy tờ hồ sơ đã gửi đầy đủ cho VP/ODP ở Bangkok - Thái Lan.
2. Mẫu Questionnaire gửi kèm đây đã gửi cho VP/ODP ngày 20-8-84. Về với hiện nay, có thay đổi phần Mailing address và Relatives to accompany me (mục B). Điều này cũng đã thông báo cho VP/ODP ở Thái Lan biết rồi.
3. Bảng PSBOPS đã thất lạc; vậy tôi xin gửi kèm đây giấy I.T.O chứng nhận đã học qua khóa 3A-9365 Psyops officer course.

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGÔ VIỆT CƯỜNG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 5 5 1949
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): Có
 (Tình trạng gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 125 - Bình Trưng I - Bình Trưng Đông - Phú Tân
 (Dia chi tai Viet-Nam) An Giang - VIỆT NAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 26/6/1975 To (Den): 28/4/1981

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại XUYỀN-MỘC - Trục Bộ Nội Vụ
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Trưởng Ban Tâm-Lý Chiến Kiên Xá-Hội

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Khoá 3A-9305 PSYOPS officer Course

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Trung úy

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Trưởng Ban Tâm-Lý Chiến
Kiên Xá-Hội Date (nam): 1971

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Có
 IV Number (So ho so): 80 656 # 3E
 No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): một
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Ngô-Việt-Cường
18/2 Khóm Châu-Lạng 4 - Phường B - Tr. Châu Đốc - An Giang - VN.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
Không

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): Không

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Không

NAME & SIGNATURE: NGÔ-VIỆT-CƯỜNG

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Đương

125 Bình Trưng I, Bình Trưng Đông, Phú Tân, An Giang, VN.

DATE: 11 20 1989
 Month (Thang) Day (Ngày) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGO^a - VIỆT - CƯỜNG
(Listed on page 1)

[illegible]

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

18/2 Khảo Châu Long 4 - Phú Mỹ B
TX Châu Đức - An Giang - VIỆT NAM

6. ADDITIONAL INFORMATION :

1. Các giấy tờ hồ tịch đã gửi đầy đủ cho VP/OPP ở Bangkok - Thái Lan.
2. Mẫu Questionnaire gửi kèm đây đã gửi cho VP/OPP ngày 20-8-84. So với biên này; có thay đổi phần Mailing address và Relatives to accompany me (mục B). Biên này cũng đã thay bài cho VP/OPP ở Thái Lan biết rồi.
3. Bảng PSYOPS đã tách-lạc; vậy tôi xin gửi kèm đây giấy ITO chứng nhận đã học qua khóa 3A-9305 PSYOPS officer course.

BỘ NỘI VỤ
Trại CT Xuyên Mộc
Số : 758GT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

((TAY RA TRAI

Theo thông tư số 966/CA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ nội vụ
Thi hành quyết định số 22 ngày 8/4/1981 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy ra cho anh có tên sau đây :

Họ và tên : Ngô Việt Cường
Sinh ngày : 5/5/1949
Nơi sinh : An Giang
Nơi ĐK KTT trước khi bị bắt : ấp Bình Trung I Bình Thạnh
đông Phú Tân An Giang
Cantội : Trung úy - Sĩ quan tâm lý chiến xã hội
Ngày bị bắt : 26/6/1975 án phạt : TTCT
Theo quyết định số 4 ngày 22/8/1978 của Bộ nội vụ

Nay về cư trú tại trú quán trên - Quản chế 12 tháng

NHÂN DƯỚI QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Bước đầu vào trại tù tưởng chưa an tâm, còn có biểu hiện
trong sinh hoạt chưa được lành mạnh, nhưng về sau đã xác
định được tội lỗi, tù tưởng tỏ ra an tâm chịu cải tạo để
tiến bộ. Lao động đảm bảo ngày công hoàn thành chỉ tiêu
định mức được giao. Có ý thức bảo vệ tài sản hoa màu
của trại. Học tập tham gia đầy đủ. Hàng năm xếp loại cải
tạo tù trung bình đến khá :

Đề nghị địa phương giáo dục giúp đỡ thêm

Lăn tay ngón trỏ phải
Của : Ngô Việt Cường
Danh ban số
Kấp tại

Họ tên chữ ký
Người được cấp giấy

Ngày 24 tháng 4 năm 81
Giám thị

Ngô Việt Cường

Trung tá : Võ Cầm

BỘ NỘI VỤ
Trại CT Xuyôn Mộc
Số : 7584W

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

((TAY RA TRAI

Theo thông tư số 965-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ nội vụ
Thi hành quyết định số 22 ngày 6/11/1981 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy ra cho anh có tên sau đây :

Họ và tên : Ngô Việt Cường
Sinh ngày : 5/5/1949
Nơi sinh : An Giang
Nơi ĐƠN MTT trước bị bắt : ấp Bình trung & Bình thanh
đồng Phú tân An Giang
Cantội : Trung úy - Sĩ quan tâm lý chiến xã hội
Ngày bị bắt : 26/6/1975 án phạt : TTTCT
Theo quyết định số 1/ ngày 22/8/1978 của Bộ nội vụ

Nay về cư trú tại trú quán trên - Quản chế 12 tháng

NHÂN SỰ QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Bước đầu vào trại tù tưởng chưa an tâm , còn có biểu hiện
trong sinh hoạt chưa được lành mạnh , nhưng về sau đã xác
định được tội lỗi , tù tưởng tỏ ra an tâm chịu cải tạo để
tiến bộ . Lao động đảm bảo ngày công hoàn thành chỉ tiêu
định mức được giao . Có ý thức bảo vệ tài sản hoa màu
của trại . Học tập thêm gia đầy đủ . Hàng năm xếp loại cải
tạo tù trung bình đến khá :

Đề nghị địa phương giáo dục giúp đỡ thêm

Lấn tay ngón trỏ phải
Gửi : Ngô Việt Cường
Danh bản số
Lập tại

Họ tên chữ ký
Người trực cấp giấy

Ngày 22 tháng 4 năm 81
Giám thị

Ngô Việt Cường

Trưởng tá : Võ Văn

ATSU-S-AL (18 Mar 74) 1st Ind
SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-118-74 (82.1) (Svc)

Recipients, United States Army Institute for Military Assistance,
Fort Bragg, North Carolina 28307 18 July 1974

TO:	1LT Nguyen Dinh THON	Republic of Vietnam
	1LT Nguyen Van TRUNG	Republic of Vietnam
	1LT Ngo Viet CUONG	Republic of Vietnam
	1LT Dao Van XUAN	Republic of Vietnam

1. Having completed 3A-9305 Psychological Operations Officer Course at the United States Army Institute for Military Assistance, Fort Bragg, North Carolina, the above named members of the Republic of Vietnam are authorized and invited to proceed on or about 23 July 1974 from this station to Travis AFB, California, for the purpose of processing for air movement to Vietnam. Individuals named herein will report to Room 12, Building P3, no later than 0800 hours, 2 August 1974. The scheduled air departure from Travis Air Force Base is 0400 hours, 5 August 1974, via MAC Flight # TKPA2T1. The estimated time of arrival in Saigon, Vietnam is 1846 hours, 6 August 1974.

2. Individuals named herein are authorized 15 days CONUS leave in accordance with paragraph 3, basic invitational travel order. Leave period will be at no expense to the US Government. Upon completion of leave, individuals named herein will report to locations indicated in paragraph 1 above and proper duty station in Vietnam.

3. Fort Bragg Transportation Officer will issue a MTA for travel from Travis Air Force Base, California, to Saigon, Vietnam. Individuals named herein are authorized to transport 100 pounds gross weight of accompanied personal baggage at MAP expense to Vietnam in accordance with paragraph 5, basic invitational travel order. Shipment of excess baggage prior to departure for Vietnam from Travis AFB will be the responsibility of individuals named herein at personal expense.

4. Individuals named herein are authorized to ship 50 pounds of retainable instructional material during entire CONUS training period. No personal effects will be shipped with instructional material. Material will be forwarded in accordance with paragraph 5, basic invitational travel order, to US Army Attache, US Defense Attache-Saigon, Vietnam, ATTN: ADGER-OT, FPO SF 96620.

5. Fort Bragg Finance Officer will pay individuals named herein advance travel from Fort Bragg, North Carolina to Travis Air Force Base, California, travel and living allowance expenses authorized to include 2400 hours, 6 August 1974, less CONUS leave period at no expense to the US Government. Payments will be charged to the accounting classification cited in basic invitational travel order.

6. Immunization requirements have been complied with at this station.

7. Individual personnel records will be forwarded by registered mail to the appropriate section in Vietnam in accordance with AR 340-25. The individuals named herein will report to the Travis AFB Port Finance Officer with last paid travel voucher, DD Form 1351-2 and pay record.

FOR THE COMMANDANT:


THEODORE B. CESULGA
MAJ, INF
Asst Secretary

DISTRIBUTION:
Spec 14

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã, Phường Phước Khánh Đông Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huyện, Quận Phước Ninh
Tỉnh, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số HT12/P3

QĐ số

Ngày 03/10/85

Số 56

Quyển số

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên NGÔ VIỆT CƯỜNG

TĂNG THANH THUY

Bí danh

Sinh ngày tháng 05.05.1949

01.02.1957

năm hay tuổi

Dân tộc

Việt

Việt

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Sấm ruộng

Giáo viên

Nơi đăng ký

Ấp Bình Trung I

Ấp Châu Long 4

nhân khẩu

Xã Phước Khánh Đông

Phường Châu Phú B

thường trú

Huyện Phước Ninh

TX. Châu Đốc

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc bộ chiếu 350818598

350010495

Đã: ký ngày 03 tháng 10 năm 1985

Người chồng ký

Người vợ ký

TH. Đ. ~~Đ. Đ. Đ.~~

Đ. ~~Đ. Đ. Đ.~~

Chủ tịch

Đ. ~~Đ. Đ. Đ.~~

Đ. ~~Đ. Đ. Đ.~~

Date : August 20th, 1984.

A.- BASIC IDENTIFICATION DATA :

Name : NGO VIET CUONG - Other name : None
Date/Place of birth : May 5th, 1949 - Binh Thanh Dong (An Giang-Vietnam)
Residence address : 125 Binh Trung I - Binh Thanh Dong, Phu Tan -
 An Giang - Vietnam.
Mailing address : ~~9156 Lot C Chung Co Phan Tho Hien,~~
~~Phu Tan - Ho Chi Minh City - Vietnam.~~
~~9156 Lot C Chung Co Phan Tho Hien,~~
~~Phu Tan - Ho Chi Minh City - Vietnam.~~

B.- RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

: ~~MOI NGUOI~~ ~~HO CHI MINH CITY - VIETNAM.~~] đã thay đổi?

NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATIONSHIP
1- NGO NGOC KHAI	May 10th, 1961	AN GIANG	M	S	Brother
2- NGO NGOC TUOI	Jan 01st, 1970	AN GIANG	M	S	Brother

C.- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :

- Closest relatives in the US :

- a. Name : Maj. SPINNA
 - Lieut. BOB LITTLE
 b. Relationship : - Sponsor
 - Classmate

c. Address : I don't remember now. For further information or verification, please contact with them through the ALLIED LIAISON DIVISION - USAJFV - Fort BEAGUN - N.C. 28307 - USA.

D.- COMPLETE FAMILY LISTING : (living/dead)

Name	Address
1. Father : NGO NGOC BINH (living)	125 Binh Trung I, Binh Thanh Dong Phu Tan - An Giang, Vietnam.
2. Mother : NGUYEN THI SU (living)	Same as above.
3. Spouse : None TANG THANH THUY	Phu Tan - An Giang - VN.
4. Former spouse : None	
5. Children : None	
6. Siblings :	
- NGO THI THU NGUYEN (living/F/Married)	Xa Vinh To - Thi Xa Chau Doc - An Giang - Vietnam.
- NGO NGOC NGUON (living/Male/Married)	Thi tran Cai Lau - Huyen Chau Phu - An Giang - Vietnam.
- NGO NGOC TRANG (living/Male/Married)	125 Binh Trung I - Binh Thanh Dong, Phu Tan - An Giang - VN.
- NGO NGOC KHAI (living/Male/Single)	Same as above.
- NGO THI BICH THUY (living/F/Single)	Same as above.
- NGO THI NGOC BICH (living/F/Single)	Same as above.
- NGO NGOC PHU (living/Male/Single)	Same as above.
- NGO NGOC TUOI (living/Male/Single)	Same as above.

E.- EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCY OR OTHER US ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE :

- Name of person employed : NGO VIET CUONG
 - Agency : Warehouseman/258th Signals Supply Company/Vung Tau Air-
 field in 1966(VN).
 - Date of separation : (about Summertime in 1966)
 - Reason of separation : going back to school.
 - Name of US Commander : Maj. NORMAN C. TOSO.

... 2:-

F.- SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person serving : NGO VIET CUONG
2. Date : From May 12th, 1969 to April 30th, 1975.
3. Last rank : 1st Lieutenant . Serial number : 69/512.737.
4. Ministry/Office/Military Unit :- Political Warfare Training Center
SAIGON.
5. Name of Supervisor/Commander Officer : Col. NGUYEN VAN PHUC
6. Reason for leaving : Communist took over.
7. Name of American Advisor : None
8. US Training course in Vietnam : None
9. US Awards or Certificates : (see Section G)
Vietnamese Awards : - 1 Military Service Medal,
- 1 Military Bearing Medal,
- 1 Staff Medal,
- 1 Military Campaign Medal.

G.- TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of Student/trainee : NGO VIET CUONG
2. School and school address : The schooling was outside VN in the Cooperation Program between the 2 Governments the USA and the RVN (under the MAP Program).
3. Description of course :-3/74 Psychological Operation officer course from April 1974 to August 1974. At John F. KENNEDY Center, Fort Bragg, N.C. 28307 USA. - English Refresher at Fayetteville, Technical Institute; N.C. USA(near Fort Bragg).
4. Diplomas or Certificates : - Psy.Op. Off. Certificate;
- English Refresher Certificate.

H.- REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person in reeducation : NGO VIET CUONG
2. Total time in reeducation : 6 years.
3. Still in reeducation : No.

I.- ANY ADDITIONAL REMARKS :

1. I had already sent an application to your Office in Bangkok in Feb. 1984, but there still has been no information since then.
2. I am now in a very bad condition of life. I cannot integrate into the newly-built society just because I was an American-trained officer. Any precious and necessary help given is very much appreciated.
3. If you accept my application please send me the IOI as soon as possible, because first : it will be easier for me to make any necessary Exit permit procedure with the current Government, second I can feel more comfortable and be more in life from then on.
Thanks a lot.

Signature :

Date : August 20th, 1984.

Signature

J.- LIST OF ALL DOCUMENTS ATTACHED THIS QUESTIONNAIRE :

- 1 copy of Questionnaire,
- 1 copy of Release Certificate;
- 1 copy of Basic Infantry Officer diploma,
- 1 copy of Polwar officer diploma,
- 3 copies of Birth-certificates(1/each)
- 3 ID photographs(1/each).
- 2 I.T.O's concerning the PSYCHOLOGICAL OPERATIONS OFFICER COURSE.

FROM: NGÔ-VIỆT-CƯỜNG
18/2 Khóm Châu Long 4
Phước B - Tx Châu Đức
ANGIANG - S. VIETNAM.



MÁY BAY
PAR AVION

DEC 0 8 1989



TO: Mrs. KHÚC MINH THỎ
P.O. Box 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
U.S.A.

PAR AVION VIA AIR MAIL

C O N T R O L

____ Card
____ ~~X~~ Doc. Request; Form 12/17/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter